

Bản án số: 11/2024/KDTM-PT
Ngày 29-8-2024
V/v tranh chấp về hợp đồng chuyển
nhượng tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Hồ Điệp

Các Thẩm phán: Ông Đinh Duy Việt

Ông Nguyễn Hồng Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hà Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 05/2024/TLPT-KDTM ngày 15 tháng 7 năm 2024 về việc “Tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng tài sản”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2024/KDTM-ST ngày 31 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 08/2024/QĐ-PT ngày 29 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 16/2024/QĐ-PT ngày 20 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Tổng Công ty Xây dựng B Đ, địa chỉ trụ sở: Số 268 đường T, phường Niệm Nghĩa, Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trịnh Thị D, sinh năm 1987; địa chỉ: Số 238 L, phường Bắc Sơn, quận Kiến An, Hải Phòng - là người đại diện theo uỷ quyền (Giấy uỷ quyền ngày 14/02/2023); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thái Hg - Luật sư của Trung tâm tư vấn pháp luật T, thuộc đoàn Luật sư thành phố Hà

Nội; địa chỉ: Số 4 đường N, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội; có mặt.

- Bị đơn: Công ty Cổ phần Xây lắp H L; địa chỉ trụ sở: Số 97 đường B Đ, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn:

+ Ông Trịnh Huy Th, sinh năm 1984; nơi cư trú: Số 73/80 đường H, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1968; nơi cư trú: Số 23/27 đường H, phường Hồ Nam, Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Đều là người đại diện theo uỷ quyền (Giấy uỷ quyền số 10/GUQ- HAILONG ngày 20/8/2024).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Tổng Công ty Xây dựng B Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn là Tổng Công ty xây dựng B Đ (viết tắt là Công ty B Đ) trình bày:

Ngày 08/01/2019, Công ty B Đ và Công ty Cổ phần Xây lắp H L (viết tắt là Công ty H L) đã ký Hợp đồng chuyển nhượng tài sản dở dang số 01/2019/HĐCN/BDCC-HL với tài sản là tòa nhà văn phòng nằm trên diện tích đất 2.690,2m² thuộc dự án xây dựng nhà ở để bán theo cơ chế kinh doanh tại số 97 B Đ, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Các bên thống nhất giá chuyển nhượng tài sản là 54.600.000.000đ (*năm mươi tư tỷ, sáu trăm triệu*) đồng sẽ được thanh toán thành 03 đợt cụ thể như sau:

- Thanh toán lần thứ nhất: 30.000.000.000đ (*ba mươi tỷ*) đồng.
- Thanh toán lần thứ hai: 14.600.000.000đ (*mười bốn tỷ, sáu trăm triệu*) đồng.
- Thanh toán lần thứ ba: Số tiền còn lại trước ngày 30/6/2019.

Sau khi ký hợp đồng, Công ty H L đã thanh toán cho Công ty B Đ 45.600.000.000đ (*bốn mươi lăm tỷ, sáu trăm triệu*) đồng. Số tiền còn lại của đợt thanh toán thứ 3 là 9.000.000.000đ (*chín tỷ*) đồng Công ty H L không thực hiện đúng hạn. Từ ngày 30/9/2019, Công ty B Đ đã nhiều lần gửi công văn yêu cầu Công ty H L thanh toán khoản nợ còn lại nhưng Công ty H L không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng số 01/2019/HĐCN/BDCC-HL.

Sau khi hợp đồng ký kết, Công ty B Đ đã bàn giao tài sản cho Công ty H L tiếp quản. Nhưng Công ty H L đã chưa thực hiện hết nghĩa vụ của mình theo hợp đồng mà các bên đã ký kết. Hai bên đã nhiều lần làm việc để chốt công nợ. Trong

các biên bản làm việc, Công ty H L đều thừa nhận còn nợ Công ty B Đ 9.000.000.000 đồng theo hợp đồng số 01/2019/HĐCN/BDCC-HL nhưng chưa đưa ra bất cứ lộ trình, phương án nào thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Công ty B Đ đã tạo điều kiện cho Công ty H L trong gần 03 năm qua nhưng tới nay chưa thu hồi được số tiền chuyển nhượng theo Hợp đồng 01/2019/HĐCN/BDCC-HL.

Căn cứ vào hợp đồng đã ký kết thì Công ty H L còn phải thanh toán cho Công ty B Đ số tiền 9.000.000.000 đồng. Ngoài ra, theo quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự, Công ty H L phải trả lãi suất 10%/năm tính trên khoản chậm thanh toán từ năm 2019 đến nay, số tiền là: 3.600.000.000đ (*ba tỷ sáu trăm triệu*) đồng.

Tổng số tiền Công ty B Đ yêu cầu Công ty H L phải trả là 12.600.000.000đ (*mười hai tỷ sáu trăm triệu*) đồng.

Tại bản tự khai ngày 24/5/2023, đơn phản tố ngày 27/6/2023 và quá trình giải quyết vụ án, đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:

Ngày 08/01/2019, Công ty H L và Công ty B Đ đã ký kết Hợp đồng chuyển nhượng tài sản dở dang số 01/2019/HĐCN/BDCC-HL về việc chuyển nhượng tài sản đầu tư dở dang Dự án tòa nhà văn phòng tại số 97 B Đ, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Trị giá Hợp đồng đã bao gồm thuế VAT (10%) 54.600.000.000 đồng. Công ty H L đã thanh toán cho Công ty B Đ 45.600.000.000 đồng, Công ty H L còn phải thanh toán cho Công ty B Đ 9.000.000.000 đồng. Công ty H L không đồng ý trả số tiền này vì các lý do sau:

Trước khi Công ty H L và Công ty B Đ ký Hợp đồng chuyển nhượng tài sản dở dang tòa nhà văn phòng tại số 97 B Đ, hai bên đã ký các Hợp đồng thi công Dự án nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1, bao gồm 03 Hợp đồng:

Hợp đồng số 311209/BDCC-HAILONG ký ngày 31/12/2009 và các phụ lục Hợp đồng 1,2,3 (*Hình thức Hợp đồng: Hợp đồng trọn gói*) về việc: Thi công phần kết cấu thép các hạng mục xây dựng, mở rộng 02 kho than khô với tổng trị giá: 196.113.396.378 đồng. Công ty H L đã thực hiện xong toàn bộ các công việc theo Hợp đồng và các phụ lục Hợp đồng từ tháng 5/2012. Hai bên đã ký bảng tổng hợp giá trị khối lượng hoàn thành đến lần 10 với giá trị hoàn thành lũy kế: 194.700.189.578 đồng. Số tiền nợ Công ty B Đ phải trả Công ty H L của Hợp đồng này theo khối lượng hoàn thành đã ký xác nhận hai bên là: 5.841.005.687 đồng. Tuy nhiên hình thức hợp đồng này là Hợp đồng trọn gói, không có bất kỳ sự điều chỉnh nào trong suốt thời gian thực hiện Hợp đồng, nếu có bất cứ thay đổi nào hai bên phải ký Phụ lục Hợp đồng bổ sung và tổng số tiền mà Công ty H L được thanh toán cho đến khi hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng và phụ lục Hợp đồng bằng đúng trị giá ghi trong Hợp đồng và phụ lục Hợp đồng. Do vậy sau khi Công ty H L hoàn thành tất cả các công việc của Hợp đồng và Phụ lục Hợp đồng thì Công ty B Đ phải thanh toán thêm số tiền: 196.113.396.378 đồng - 194.700.189.578 đồng = 1.413.206.800 đồng cho Công ty H L để đảm bảo đúng theo quy định hình thức Hợp đồng trọn gói tại Điều 49 Luật đấu thầu số 61/2005/QH11 ngày 29/11/2005 và Điều

48 Nghị định số 58/2008/NĐ-CP ngày 05/05/2008 hướng dẫn thi hành Luật đấu thầu số 61/2005/QH11 ngày 29/11/2005 (*Văn bản pháp luật có hiệu lực tại thời điểm ký và thực hiện Hợp đồng*); và theo điểm a khoản 1 Điều 62 của Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 (*Văn bản pháp luật đang có hiệu lực*).

Đến thời điểm hiện tại, mặc dù dự án đã được cấp chứng chỉ hoàn thành từ ngày 12/05/2017 nhưng Công ty B Đ vẫn cố tình không ký nghiệm thu quyết toán Hợp đồng này với Công ty H L nên hai bên chưa thể ký xác nhận số nợ tăng thêm 1.413.206.800 đồng. Như vậy tổng số tiền nợ Công ty B Đ phải trả cho Công ty H L của Hợp đồng này là: 5.841.005.687 đồng + 1.413.206.800 đồng = 7.254.212.487 đồng.

Hợp đồng số 020711/BACHDANG-HAILONG ký ngày 02/07/2011 (*Hình thức hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá trọn gói*) về việc: Thi công phần xây dựng các hạng mục FGD. Công ty H L đã thực hiện xong toàn bộ các công việc theo Hợp đồng từ ngày 10/12/2012. Hai bên đã ký nghiệm thu quyết toán Hợp đồng với trị giá quyết toán: 23.070.659.319 đồng. Số tiền nợ Công ty B Đ còn phải trả Công ty H L của Hợp đồng này theo khối lượng quyết toán đã ký xác nhận hai bên là 692.119.780 đồng. Khoản nợ này đã đủ hồ sơ thanh toán và đủ điều kiện thanh toán từ ngày 12/05/2017.

Hợp đồng số 090711/BACHDANG-HAILONG ký ngày 09/07/2011 (*Hình thức hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá không điều chỉnh*) về việc: Cung cấp và thi công bao che các hạng mục xây dựng. Công ty H L đã thực hiện xong toàn bộ các công việc theo Hợp đồng từ tháng 01/2014. Hai bên đã ký bảng tổng hợp giá trị khối lượng hoàn thành đến lần 10 với giá trị hoàn thành lũy kế: 89.147.620.401 đồng. Số tiền nợ Công ty B Đ còn phải trả Công ty H L của Hợp đồng này theo khối lượng hoàn thành đã ký xác nhận hai bên là 2.674.428.612 đồng. Và Hợp đồng này Công ty B Đ cũng viện lý do để chưa ký hồ sơ nghiệm thu quyết toán và thanh toán cho Công ty H L.

Như vậy, tổng số tiền nợ gốc Công ty B Đ phải trả Công ty H L cho 03 Hợp đồng trên là: 7.254.212.487 đồng + 692.119.780 đồng + 2.674.428.612 đồng = 10.620.760.879 đồng (*Trong đó: Số nợ gốc 2 bên đã ký xác nhận khối lượng hoàn thành và ký xác nhận công nợ là: 5.841.005.687 đồng + 692.119.780 đồng + 2.674.428.612 đồng = 9.207.554.079 đồng*).

Theo điều 10, mục 10.1.5-Thanh toán giá trị bảo hành của Hợp đồng số 311209, 020711, 090711 : “Bên B sẽ được thanh toán 3% giá trị Hợp đồng còn lại khi Bên B phát hành bảo lãnh bảo hành, bảo lãnh có hiệu lực 24 tháng kể từ ngày Chủ đầu tư phát hành Chứng chỉ chấp nhận tạm thời cho Tổ máy số 2”. Tuy nhiên đến nay, Công ty B Đ vẫn cố tình không cung cấp thông tin là có chứng chỉ chấp nhận tạm thời cho Tổ máy số 2 và không thanh toán số tiền nợ còn lại cho Công ty H L. Công ty H L đã rất nhiều lần trao đổi, gửi văn bản, làm việc trực tiếp yêu cầu thanh toán và bù trừ công nợ nhưng đều bị Công ty B Đ từ chối.

Phải mất rất nhiều thời gian và công sức, đến nay Công ty H L mới có thông tin cụ thể về Dự án như sau: Chứng chỉ bàn giao được cấp ngày 09 tháng 02 năm 2017 chỉ rõ: Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch, thông báo rằng Tổ máy số 2 đã đạt yêu cầu để bàn giao cụ thể vào: Lúc 15 giờ 00 phút ngày 12/05/2015. Như vậy thời gian bảo hành tương ứng 24 tháng là đến hết ngày 12/05/2017. Đồng nghĩa với việc đến ngày 12/05/2017 Công ty H L đã đủ điều kiện được thanh toán khoản tiền 3% bảo hành còn lại. Hơn thế nữa công trình đã được cấp chứng chỉ hoàn thành vào ngày 12/10/2021, chỉ rõ: Chứng chỉ hoàn thành Tổ máy số 02 vào ngày cụ thể là ngày 12 tháng 05 năm 2017, thời gian bảo hành tổ máy số 02 cho nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 đã hết hạn và LILAMA đã hoàn thành xử lý tất cả các lỗi, khuyết điểm và thiếu sót, giải phóng tất cả các trách nhiệm của tổng thầu LILAMA đối với công trình bao gồm cả nghĩa vụ bảo hành công trình.

Công ty B Đ vẫn gửi công văn số 68/KT-BDCC ngày 13/03/2023 cho Công ty H L khẳng định công trình Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng chưa có chứng chỉ chấp nhận tạm thời, là chứng chỉ do Chủ đầu tư phát hành chứng nhận công việc của Tổng thầu đã hoàn thành đáp ứng yêu cầu của Dự án như vậy là không đúng sự thật và theo Hợp đồng đã ký giữa hai bên thì phía Công ty B Đ đã vi phạm quy định tại mục 10.1.5 điều 10 - Thanh toán giá trị bảo hành; mục 13.2.8 điều 13 - Quyền hạn và trách nhiệm của bên A; mục 19.2 điều 19 - Hiệu lực, quyết toán và thanh lý hợp đồng của Hợp đồng số 311209, 020711, 090711; mục 14.2.13 Điều 14 - Quyền hạn và trách nhiệm của bên B đã ký kết giữa hai bên.

Vì những lý do trên, Công ty H L đã giữ lại khoản nợ 9.000.000.000 đồng của Hợp đồng chuyển nhượng số 01/2019/HĐCN/BDCC-HL ngày 08/01/2019 để bù trừ khoản nợ còn lại của Dự án Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 mà Công ty B Đ phải trả Công ty H L.

Công ty B Đ vẫn ráo riết thúc ép yêu cầu Công ty H L phải thanh toán công nợ 9.000.000.000 đồng và gửi đơn kiện Công ty H L ra Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng để thu hồi khoản nợ này. Công ty H L đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo đơn phản tố và buộc Công ty B Đ phải trả Công ty H L gồm:

Nợ gốc: 10.620.760.879 đồng. Trong đó: Số tiền nợ hai bên đã ký xác nhận công nợ của 03 Hợp đồng: 9.207.554.079 đồng. Số tiền nợ Công ty B Đ còn phải trả thêm của Hợp đồng 311209/BDCC-HAILONG chưa được xác nhận công nợ: 1.413.206.800 đồng. Lãi chậm trả tính theo lãi suất ngân hàng là 10%/năm từ ngày 12/05/2017 (ngày hoàn thành toàn bộ trách nhiệm Hợp đồng với chủ đầu tư ghi trên chứng chỉ hoàn thành tổ máy số 2) đến hết ngày 31/05/2023 số tiền: 6.433.562.275 đồng.

Tổng tiền nợ bao gồm nợ gốc và lãi chậm trả: 17.054.323.154 (*mười bảy tỷ, không trăm năm mươi tư triệu, ba trăm hai mươi ba nghìn, một trăm năm mươi bốn* đồng).

Khoản nợ gốc và lãi Công ty B Đ phải trả Công ty H L sẽ được bù trừ với khoản nợ Công ty H L phải trả Công ty B Đ của Hợp đồng chuyển nhượng số 01/2019/HĐCN/BDCC-HL: 9.000.000.000 đồng và Công ty B Đ phải thanh toán số tiền nợ còn lại là 8.054.323.154 đồng (đã bao gồm lãi chậm trả) để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty H L.

Tại đơn trình bày ý kiến theo đơn phản tố ngày 05/9/2023 về việc thanh toán công nợ tại dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1, nguyên đơn trình bày:

Với yêu cầu Công ty B Đ phải thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ Công ty H L theo các Hợp đồng đã ký giữa hai Công ty về thực hiện thi công dự án Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1:

Hợp đồng giữa Công ty B Đ với Công ty H L là hợp đồng Back to Back với hợp đồng chính giữa Công ty B Đ với Tổng thầu Lilama (có nghĩa là các điều khoản về thanh toán, thanh toán tiền giữ lại của hợp đồng giữa Công ty H L và Công ty B Đ phải tuân thủ hợp đồng chính giữa B Đ với LILAMA), điều này thể hiện rõ trong các căn cứ ký hợp đồng giữa Công ty B Đ với Công ty H L đều phải căn cứ Hợp đồng số 280909/LILAMA-BDCC ngày 28 tháng 9 năm 2009 giữa Tổng Công ty lắp máy Việt Nam (LILAMA) với Tổng Công ty B Đ (BDCC) về việc thi công toàn bộ các hạng mục xây dựng nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, tất cả những lần Công ty B Đ nhận được khoản thanh toán từ LILAMA Công ty B Đ đều đã ngay lập tức thanh toán phần tương ứng cho Công ty H L theo hợp đồng đã ký kết, điều đó có nghĩa trước, trong và sau khi ký hợp đồng với Công ty B Đ, Công ty H L hoàn toàn biết, đồng ý cũng như tự nguyện ràng buộc giao kết với Công ty B Đ căn cứ vào tình trạng pháp lý của hợp đồng giữa Công ty B Đ với LILAMA.

Hiện tại, công tác thanh, quyết toán tại nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 của Công ty B Đ với Tổng thầu EPC (LILAMA) vẫn đang được Công ty B Đ tích cực phối hợp với các bên để giải trình, thống nhất số liệu quyết toán với LILAMA. Số liệu quyết toán này chỉ được LILAMA phê duyệt cho Công ty B Đ khi LILAMA được chủ đầu tư PVN phê duyệt quyết toán, thanh toán hợp đồng. Tuy nhiên, dự án này kéo dài nhiều năm, thủ tục pháp lý còn rất nhiều bất cập do đó có những khó khăn, vướng mắc trong việc thanh, quyết toán Hợp đồng EPV/Quyết toán dự án. Tổng thầu EPC (LILAMA), chủ đầu tư (PVN) đã rất quyết liệt trong công tác kiến nghị với Chính phủ, Bộ Công thương, Ủy ban quản lý vốn Nhà nước để thúc đẩy công tác phê duyệt và giải quyết các phát sinh chưa lường hết tại dự án nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 để sớm hoàn thành công tác thanh quyết toán Hợp đồng EPC/Quyết toán dự án Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1. Chính phủ cũng đã có các văn bản chỉ đạo về công tác quyết toán dự án nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1. Tính đến thời điểm hiện tại Công ty B Đ vẫn chưa nhận được quyết toán đối với các hạng mục công việc mà Công ty B Đ đã thực hiện theo hợp đồng giữa Công ty B Đ với LILAMA. Do đó, mặc dù mong muốn nhưng Công ty B Đ không thể thực hiện được

việc thanh toán dứt điểm số tiền còn lại theo các hợp đồng đã ký kết giữa Công ty H L với Công ty B Đ.

Đối với số tiền nợ gốc 9.207.554.079 đồng theo các hợp đồng đã ký:

Trong bản đối chiếu và xác nhận công nợ giữa Công ty H L với Công ty B Đ thời điểm ngày 31/12/2020 cũng ghi rõ: “Số tiền nợ gốc 9.207.554.079 đồng được ghi nhận căn cứ vào các hồ sơ, chứng từ có đến thời điểm 31/12/2020. Trong trường hợp công trình có Quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền mà làm thay đổi giá trị được thanh toán của công trình thì số liệu công nợ sẽ được điều chỉnh theo hồ sơ được cấp có thẩm quyền phê duyệt”.

Số dư nợ mà Công ty B Đ phải thanh toán cho Công ty H L nói trên là giá trị giữ lại 3% khối lượng hoàn thành theo hợp đồng, con số này cũng tương ứng với giá trị LILAMA giữ lại của Công ty B Đ. Số tiền 9.207.554.079 đồng chỉ là số liệu được ghi nhận giữa Công ty H L với Công ty B Đ chứ không phải là con số chính xác, cố định và cuối cùng. Theo các hợp đồng đã ký kết và thực hiện thì con số này có thể bằng, tăng lên hoặc thậm chí giảm xuống. Việc xác định con số chính xác mà Công ty B Đ có nghĩa vụ trả cho Công ty H L phải căn cứ vào xác nhận giá trị quyết toán; thời hạn bảo hành; chứng chỉ hoàn thành công tác xây dựng của LILAMA với Công ty B Đ.

Như vậy tính tới thời điểm hiện nay, không có bất cứ căn cứ pháp lý nào để Công ty H L khởi kiện buộc Công ty B Đ phải thanh toán số tiền nợ gốc 9.207.554.079 đồng theo yêu cầu đơn phản tố đã được Tòa án quận Hồng Bàng thụ lý.

Đối với số tiền nợ 1.413.206.800 đồng chưa được xác nhận công nợ theo hợp đồng 311209/BDCC-HAILONG:

Về việc Công ty H L đòi thêm 1.413.206.800 đồng chưa được xác nhận công nợ theo hợp đồng số 311209/BDCC-HAILONG ngày 31/12/2009 (*hợp đồng theo hình thức trọn gói*) Công ty B Đ không chấp nhận khoản tiền này bởi: Mặc dù Hợp đồng 311209/BDCC-HAILONG là hợp đồng trọn gói nhưng cũng giống như các hợp đồng khác, hợp đồng này phụ thuộc vào các hợp đồng chính giữa Công ty B Đ và LILAMA. Hơn nữa giữa Công ty H L và Công ty B Đ đã có biên bản xác nhận công nợ đối với những phần công việc Công ty H L đã thực hiện theo hợp đồng 311209/BDCC-HAILONG. Trong biên bản đó xác nhận khoản tiền còn lại mà Công ty B Đ chưa thanh toán hết cho Công ty H L đã nằm cả trong khoản tiền 9.207.554.079 đồng. Biên bản chốt công nợ đã ký kết là phần đi kèm không thể tách rời của hợp đồng 311209/BDCC-HAILONG (*theo quy định tại khoản 16.3 Điều 16*). Biên bản này không ghi nhận số tiền 1.413.206.800 đồng, đồng nghĩa với việc Công ty H L không thực hiện phần công việc nào khác ngoài phần việc theo công nợ đã

chốt. Do đó Công ty B Đ không có nghĩa vụ thanh toán số tiền này theo yêu cầu của Công ty H L.

Đối với khoản tiền lãi được tính từ ngày 12/5/2017 tới hết ngày 31/5/2023:

Việc tính tiền lãi sẽ phát sinh trên cơ sở số tiền gốc chính xác mà Công ty B Đ có nghĩa vụ phải thanh toán cho Công ty H L nếu Công ty B Đ có lỗi. Lỗi này chỉ xảy ra trong trường hợp nếu LILAMA đã thực hiện việc xác nhận giá trị quyết toán, thời điểm bảo hành, chứng chỉ hoàn thành công tác xây dựng nghiệm thu đầy đủ công trình... và tất cả số tiền còn lại cho Công ty B Đ nhưng Công ty B Đ không thực hiện ngay việc thanh toán lại cho Công ty H L. Như nội dung đã trình bày trên, tại thời điểm Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng thụ lý yêu cầu phản tố của Công ty H L thì Công ty B Đ cũng đang là đơn vị trực tiếp bị LILAMA chưa xác nhận con số thực tế công việc mà Công ty H L đã thực hiện. Công ty B Đ cũng không có lỗi trong việc chậm thanh toán số tiền 3% của các hợp đồng còn lại cho Công ty H L. Do đó, Công ty B Đ đương nhiên không có nghĩa vụ phải trả cho Công ty H L khoản tiền lãi 6.433.562.275 đồng theo yêu cầu phản tố của Công ty H L.

Với những lý do trên, Công ty B Đ vẫn giữ nguyên quan điểm việc thụ lý phản tố của bị đơn Công ty H L để cùng giải quyết trong một vụ án do Công ty B Đ khởi kiện là không có cơ sở, không đúng quy định của pháp luật. Công ty B Đ đề nghị Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty H L bởi đây là những yêu cầu chưa thể tính toán và thực hiện vào thời điểm hiện tại.

Tại phiên toà sơ thẩm, các bên thống nhất xác nhận: Bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn 9.000.000.000 đồng. Nguyên đơn xác nhận số tiền chưa thanh toán trả bị đơn 9.207.554.079 đồng, không chấp nhận việc bị đơn có đơn yêu cầu phản tố.

Về trả tiền lãi chậm trả, nguyên đơn đã xác định lại và yêu cầu bị đơn phải trả số tiền lãi là 3.987.863.014 (*ba tỷ chín trăm tám mươi bảy triệu, tám trăm sáu mươi ba nghìn, không trăm mười bốn*) đồng.

Ngoài ra, sau khi Tòa án quận Hồng Bàng nhận được Công văn số 593/TCT-KTKT ngày 26/9/2023 trả lời của Công ty LILAMA, nguyên đơn Công ty B Đ có ý kiến: Xét thấy không cần thiết phải bổ sung Công ty LILAMA vào tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án này. Bị đơn có ý kiến sẽ có trách nhiệm trả cho nguyên đơn 9.000.000.000 đồng bằng cách bù trừ công nợ đối với dự án Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1.

Bị đơn xác nhận số tiền nợ Công ty B Đ còn phải trả thêm của Hợp đồng 311209/BGCC-HAILONG đã được tính trong tổng số tiền là 9.207.554.079 đồng mà nguyên đơn phải trả cho bị đơn.

Bị đơn thừa nhận còn nợ số tiền 9.000.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền lãi là 3.987.863.014 đồng như nội dung nguyên đơn có ý kiến tại phiên tòa, bị đơn sẽ có trách nhiệm trả bằng cách bù trừ công nợ đối với dự án Vũng Áng 1 bao gồm: Nợ gốc 9.207.554.079 đồng; lãi chậm trả tính theo lãi suất ngân hàng là 10%/năm tính từ ngày 12/05/2017 (ngày hoàn thành toàn bộ trách nhiệm Hợp đồng với chủ đầu tư ghi trên chứng chỉ hoàn thành tổ máy số 2) theo bảng kê đến ngày xét xử là 6.500.785.442 đồng. Tổng tiền nợ bao gồm nợ gốc và lãi chậm trả là 15.708.339.521 đồng.

Với nội dung trên, tại bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2024/KDTM-ST ngày 31/5/2024 của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Tổng Công ty Xây dựng B Đ:

Công ty Cổ phần Xây lắp H L phải thanh toán trả cho Tổng Công ty Xây dựng B Đ số tiền còn thiếu của Hợp đồng chuyển nhượng Dự án tòa nhà văn phòng tại số 97 B Đ, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng với tổng số tiền là 12.987.863.014 (*mười hai tỷ chín trăm tám mươi bảy triệu, tám trăm sáu mươi ba nghìn, không trăm mười bốn*) đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty Cổ phần Xây lắp H L.

Tổng Công ty Xây dựng B Đ phải trả cho Công ty Cổ phần Xây lắp H L số tiền còn thiếu của các hợp đồng đấu thầu xây dựng dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 còn nợ là 15.708.339.521 (*mười lăm tỷ bảy trăm linh tám triệu, ba trăm ba mươi chín nghìn, năm trăm hai mươi một*) đồng.

3. Chấp nhận đòi trừ số tiền bị đơn Công ty Cổ phần Xây lắp H L phải trả cho nguyên đơn Tổng Công ty Xây dựng B Đ.

Buộc Tổng Công ty Xây dựng B Đ phải thanh toán trả cho Công ty Cổ phần Xây lắp H L trong các Hợp đồng đấu thầu Xây dựng dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 còn nợ là 2.720.476.507 (*hai tỷ bảy trăm hai mươi triệu, bốn trăm bảy mươi sáu nghìn, năm trăm linh bảy*) đồng.

Đối với khoản tiền phải trả nêu trên, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 10/6/2024, Toà án nhân dân quận Hồng Bàng nhận được đơn kháng cáo của Tổng Công ty Xây dựng B Đ, yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty Cổ phần Xây lắp H L.

Lý do kháng cáo:

1. Về nội dung buộc Công ty B Đ trả Công ty H L 12.987.863.014 đồng, bao gồm nợ gốc và lãi của các hợp đồng số: 311209, 020711 và 090711:

Mặc dù trong các điều khoản của Hợp đồng không có nội dung thanh toán giữa hai Công ty phụ thuộc vào việc thanh toán giữa B Đ và Tổng thầu Lilama nhưng các lần B Đ thanh toán với H L đều căn cứ vào số tiền được thanh toán từ Lilama. Hiện nay hợp đồng 280909 giữa B Đ và Lilama chưa được quyết toán. Số tiền B Đ nợ của H L nằm trong số tiền mà B Đ chưa được Lilama thanh toán. Trong biên bản đối chiếu công nợ gần nhất, ngày 31/12/2020, hai bên đã xác định “ Số liệu trên đây được ghi nhận căn cứ vào hồ sơ chứng từ có đến thời điểm 31/12/2020. Trong trường hợp các công trình có Quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền mà làm thay đổi giá trị được thanh toán của Công trình thì số liệu công nợ sẽ được điều chỉnh theo hồ sơ được cấp có thẩm quyền phê duyệt”. Nhưng cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào nội dung hợp đồng, không căn cứ vào việc thực thi các điều khoản hợp đồng trên thực tế làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty B Đ.

2. Đối trừ các khoản hai bên nợ nhau để buộc Công ty B Đ phải trả số tiền 2.720.476.507 đồng: Công ty H L cho rằng có tài liệu chứng cứ, chứng minh đối trừ nhưng tại phiên toà sơ thẩm vẫn chưa đưa ra tài liệu, chứng cứ này. Công ty B Đ xác định đây là hai khoản nợ riêng biệt, không đồng ý và không có bất cứ biên bản nào thể hiện việc đối trừ công nợ giữa hai bên. Tất cả các biên bản đối chiếu công nợ chỉ là các bản xác nhận hai khoản nợ độc lập do kế toán hai bên kí. Và hiện nay khoản tiền của Dự án nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 chưa được thanh toán từ Lilama nên B Đ không có khả năng thanh toán cho H L.

Tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, bị đơn giữ nguyên yêu cầu phản tố. Các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng cấp sơ thẩm thụ lý yêu cầu phản tố là không đúng vì thực tế một bên là hợp đồng kinh tế và một bên là hợp đồng dân sự nên không liên quan đến nhau; chứng chỉ hoàn thành không phải là cơ sở để trả tiền; Công ty B Đ không có lỗi do 3% giá trị bảo hành chưa được Lilama thanh toán cho Công ty B Đ nên Công ty B Đ không phải trả lãi. Cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng do không bổ sung Lilama vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, do vậy yêu cầu cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bổ sung: Cấp sơ thẩm không bổ sung Lilama là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là vi phạm tố tụng, bản án sơ thẩm nhận định không đúng diễn biến phiên toà đối với số tiền 1.413.206.800 đồng. Bị đơn xác nhận số tiền này chưa được xác nhận công nợ theo hợp đồng 311209/BDCC-HAILONG. Nhưng bản án sơ thẩm nhận định bị đơn xác nhận số tiền này đã bao gồm cả số tiền 9.207.554.079 đồng là không đúng.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn trình bày: Đây là hai hợp đồng kinh tế, B Đ và H L kí hợp đồng mua bán toà nhà 97 B Đ trước, sau đó hai bên kí hợp đồng Dự án Vũng Áng 1. Do B Đ có yêu cầu H L thanh toán tiền còn thiếu của hợp đồng mua bán toà nhà 97 B Đ nên H L có yêu cầu B Đ phải thanh toán tiền 3% giá trị bảo hành của của Dự án Vũng Áng 1. Đối với số tiền 1.413.206.800 đồng chưa được nguyên đơn xác nhận công nợ theo hợp đồng 311209/BDCC-HAILONG nên H L không yêu cầu thanh toán số tiền này. H L xác nhận yêu cầu phản tố đối với B Đ số tiền 9.207.554.079 đồng đã được hai bên xác nhận công nợ và yêu cầu đối trừ nghĩa vụ giữa hai bên.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo:

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn: Buộc nguyên đơn phải thanh toán số tiền còn thiếu là 9.207.554.079 đồng và lãi là 6.500.785.442 đồng. Tổng là 15.708.339.521 đồng sẽ được bù trừ với khoản mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn.

Ngày 28/9/2009, giữa Công ty B Đ và tổng thầu Lilama ký hợp đồng số 280909 để thực hiện xây dựng tại Dự án nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1. Sau đó, giữa Công ty B Đ và Công ty H L đã cùng nhau ký các Hợp đồng thi công Dự án nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1, bao gồm 03 Hợp đồng số 311209 ngày 31/12/2009, số 020711 ngày 02/7/2011, số 090711 ngày 09/7/2011. Công ty H L đã thực hiện các hợp đồng này đúng theo thỏa thuận. Do nguyên đơn còn nợ bị đơn số tiền 9.207.554.079 đồng (đã được các bên xác nhận công nợ) tương đương 3% giá trị hợp đồng còn lại khi phát hành bảo lãnh bảo hành có hiệu lực 24 tháng kể từ ngày Chủ đầu tư phát hành Chứng chỉ chấp nhận tạm thời cho tổ máy số 2 nên bị đơn đã có đơn phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng giải quyết số nợ mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn bằng cách bù trừ nghĩa vụ của khoản nợ dự án Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 nguyên đơn phải cho trả bị đơn và lãi chậm trả tính theo lãi suất ngân hàng là 10%/năm tính từ ngày 12/5/2017. Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn theo điểm a khoản 2 Điều 200 của Bộ luật Tố tụng dân sự là có căn cứ, đúng với quy định của pháp luật.

Với tư cách là đơn vị nhận thầu với Tổng Công ty lắp máy Việt Nam - CTCP để thi công toàn bộ các hạng mục xây dựng thuộc hợp đồng EPC

- Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1, Công ty B Đ phải biết chứng chỉ hoàn thành Tổ máy số 2 của Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 được cấp vào ngày 12/5/2017, còn việc Công ty B Đ có thanh quyết toán với Tổng thầu EPC (LILAMA) hay không cho đến thời điểm hiện nay không liên quan đến bị đơn Công ty H L. Mặt khác, tại các Hợp đồng số 311209, 020711, 090711 giữa hai bên không có điều khoản quy định nội dung thanh toán giữa Công ty H L và Công ty B Đ phụ thuộc vào việc thanh toán giữa Công ty B Đ và LILAMA.

Tại Điều 10, mục 10.1.5 - Thanh toán giá trị bảo hành của các Hợp đồng số 311209, 020711, 090711 được ký kết giữa hai bên có nêu: *“Bên B sẽ được thanh toán 3% giá trị Hợp đồng còn lại khi Bên B phát hành bảo lãnh bảo hành, bảo lãnh có hiệu lực 24 tháng kể từ ngày Chủ đầu tư phát hành Chứng chỉ chấp nhận tạm thời cho Tổ máy số 2”*. Chứng chỉ bàn giao cấp ngày 09/02/2017 do ông Hồ Xuân Hiền ký, nêu rõ: Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng thông báo Tổ máy số 2 đã đạt yêu cầu bàn giao cụ thể vào lúc 15 giờ ngày 12/5/2015. Do đó, thời gian bảo hành tương ứng 24 tháng đến hết ngày 12/5/2017. Như vậy, đến hết ngày 12/5/2017, Công ty H L đủ điều kiện được thanh toán khoản tiền 3% giá trị bảo hành còn lại. Ngoài ra, công trình đã được cấp chứng chỉ hoàn thành vào ngày 12/10/2021, chỉ rõ: chứng chỉ hoàn thành Tổ máy số 02 là ngày 12/5/2017, thời gian bảo hành tổ máy số 02 cho nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 đã hết hạn và Lilama đã hoàn thành xử lý tất cả các lỗi, khuyết điểm và thiếu sót, giải phóng tất cả các trách nhiệm của tổng thầu Lilama đối với công trình bao gồm cả nghĩa vụ bảo hành công trình nên yêu cầu phản tố của bị đơn buộc nguyên đơn phải trả số tiền là 9.207.554.079 đồng và tiền lãi được tính từ ngày 12/5/2017 là có căn cứ được chấp nhận theo quy định tại Điều 49 Luật Đấu thầu năm 2005 và Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn đề nghị bổ sung Tổng công ty lắp máy Việt Nam (Lilama) vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Xét thấy tài liệu có trong hồ sơ thể hiện hợp đồng giữa Công ty B Đ và Lilama không liên quan đến Hợp đồng giữa Công ty B Đ và Công ty H L. Vì vậy, Lilama không có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

Vì vậy, kháng cáo của nguyên đơn về việc hủy Bản án sơ thẩm số 08/2024/KDTM-ST ngày 31/5/2024 của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng là không có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, tại phần Quyết định của Bản án: Buộc Công ty Xây dựng B Đ phải nộp 27.909.530 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là chưa phù hợp với quy định tại Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí lệ phí Tòa án. Công ty B Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo phần yêu cầu phản tố của Công ty H L còn Công ty H L phải chịu án phí đối với yêu cầu của Công ty B Đ được Tòa án chấp nhận. Do đó, Công ty B

Đ và Công ty H L phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Do đó, cần sửa một phần bản án sơ thẩm về nội dung tuyên án phí.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với phần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán trả cho nguyên đơn số tiền còn thiếu là 12.987.863.014 đồng, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn và chấp nhận đối trừ số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn. Sửa một phần Bản án sơ thẩm liên quan đến án phí. Buộc Công ty B Đ và Công ty H L phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Xét kháng cáo của Tổng Công ty Xây dựng B Đ:

[1] Tổng Công ty Xây dựng B Đ thừa nhận tính đến ngày 31/12/2020, Công ty B Đ còn nợ Công ty H L 9.207.554.079 đồng là tiền thanh toán của ba hợp đồng được ký giữa hai Công ty: Hợp đồng số 311209/BDCC-HAILONG ký ngày 31/12/2009 và các phụ lục Hợp đồng 1,2,3 (*Hình thức Hợp đồng: Hợp đồng trọn gói*) về việc: Thi công phần kết cấu thép các hạng mục xây dựng, mở rộng 02 kho than khô; Hợp đồng số 020711/BACHDANG-HAILONG ký ngày 02/07/2011 (*Hình thức hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá trọn gói*) về việc: Thi công phần xây dựng các hạng mục FGD; Hợp đồng số 090711/BACHDANG-HAILONG ký ngày 09/07/2011 (*Hình thức hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá không điều chỉnh*) về việc: Cung cấp và thi công bao che các hạng mục xây dựng.

[2] Các hợp đồng trên đã được Công ty H L thực hiện xong theo đúng tiến độ trong hợp đồng và bàn giao cho Công ty B Đ. Nhưng Công ty B Đ cho rằng, việc chưa thanh toán 9.207.554.079 đồng cho Công ty H L là do Công ty B Đ chưa nhận được quyết toán các hạng mục công việc tại dự án Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 với Tổng thầu EPC (Lilama). Tại biên bản xác nhận công nợ ngày 31/12/2020, hai bên đã xác định “ Số liệu trên đây được ghi nhận căn cứ vào hồ sơ chứng từ có đến thời điểm 31/12/2020. Trong trường hợp các công trình có Quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền mà làm thay đổi giá trị được thanh toán của Công trình thì số liệu công nợ sẽ được điều chỉnh theo hồ sơ được cấp có thẩm quyền phê duyệt”. Về nội dung này đã được Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam trả lời tại công văn số 593/TCT-KTKT ngày 26/9/2023 như sau: “ Việc thanh toán giữa Lilama và Công ty B Đ tuân thủ theo các điều khoản hợp đồng đã được thống nhất tại hợp đồng 280909/LILAMA-BDCC (bao gồm cả các phụ lục hợp đồng) ký giữa Lilama và Tổng Công ty B Đ mà không phụ thuộc vào bất cứ bên thứ ba nào khác. Việc thanh toán giữa Tổng Công ty B Đ và Công ty H L phụ thuộc vào hợp đồng kí giữa hai đơn vị này, Lilama không có bất kỳ liên quan nào và không có cơ sở để trả lời những câu hỏi liên quan đến Công ty

H L. Tính đến thời điểm hiện tại, hợp đồng 280909/LILAMA-BDCC (bao gồm cả các phụ lục hợp đồng) ký giữa Lilama và Tổng Công ty B Đ chưa được quyết toán theo quy định của hợp đồng. Việc quyết toán của hợp đồng được thực hiện đối với toàn bộ hợp đồng mà không phân chia quyết toán riêng hợp đồng chính [...]”.

[3] Như vậy, Tổng Công ty B Đ cho rằng việc chưa thanh toán cho Công ty H L là còn phụ thuộc vào việc quyết toán với Lilama nhưng Lilama đã xác nhận việc quyết toán giữa Lilama và Tổng Công ty B Đ không liên quan đến hợp đồng giữa Tổng Công ty B Đ và Công ty H L.

[4] Công ty H L có yêu cầu phản tố buộc Tổng Công ty B Đ phải thanh toán 9.207.554.079 đồng tính đến thời điểm hai bên chốt công nợ, không yêu cầu vượt quá số tiền hai bên đã chốt nợ với nhau. Ngoài các biên bản đối chiếu công nợ giữa kế toán của hai Công ty từ năm 2016 đến năm 2020, thì công văn số 217/ĐT-BDCC ngày 29/7/2022 của Tổng Công ty xây dựng B Đ cũng đã xác nhận số dư nợ Tổng Công ty B Đ phải trả Công ty H L đến thời điểm hiện tại là 9.207.554.079 đồng. Nguyên đơn cho rằng chưa đủ điều kiện thanh toán vì đây là giá trị giữ lại 3% khối lượng hoàn thành công việc theo hợp đồng, giá trị này tương ứng với giá trị Chủ đầu tư đã giữ lại của Tổng Công ty. Nguyên đơn kháng cáo cho rằng các biên bản đối chiếu công nợ chỉ là các bản xác nhận hai khoản nợ độc lập do kế toán hai bên kí. Tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy khoản nợ đã được Tổng Công ty B Đ phúc đáp với Công ty H L bằng Công văn xác nhận nên chứng cứ là các biên bản đối chiếu công nợ được chấp nhận.

[5] Tại Công văn số 551/TCT-KTKT ngày 28/8/2023 của Tổng Công ty lắp máy Việt Nam - CTCP gửi Tổng Công ty xây dựng B Đ có nội dung: “Căn cứ đối chiếu công nợ ngày 07/01/2021 giữa Lilama và Nhà thầu B Đ đã thống nhất nội dung: Tổng Công ty lắp máy Việt Nam - CTCP xác nhận còn phải thu Tổng Công ty xây dựng B Đ 453.752.587.741 đồng. Trong trường hợp hai bên quyết toán hợp đồng số 280909/LILAMA-BDCC tại thời điểm hiện tại, Lilama sẽ còn phải thu lại số tiền đã tạm ứng cho nhà thầu B Đ với số tiền 453.752.587.741 đồng”. Do đó, Công ty B Đ cho rằng số tiền nợ Công ty H L chưa đủ điều kiện thanh toán vì đây là giá trị giữ lại 3% khối lượng hoàn thành công việc theo hợp đồng, giá trị này tương ứng với giá trị Chủ đầu tư đã giữ lại của Tổng Công ty là không có căn cứ.

[6] Theo nội dung đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm, Tổng Công ty B Đ cũng thừa nhận các điều khoản của Hợp đồng được ký với Công ty H L, không có nội dung thanh toán giá trị bảo hành 3% giữa hai Công ty phụ thuộc vào việc thanh toán 3% giá trị bảo hành giữa B Đ và Lilama. Công ty B Đ cho rằng việc thanh toán với H L đều căn cứ vào số tiền được thanh toán từ Lilama nhưng nội dung này không nằm trong điều khoản nào của cả ba hợp đồng đã ký với H L nên không có căn cứ chấp nhận lý do kháng cáo này của nguyên đơn.

[7] Mặt khác, tại Công văn số 259/BDCC-PTDA ngày 04/10/2023 của Tổng Công ty B Đ gửi Phòng an ninh Kinh tế Công an thành phố Hải Phòng, cũng xác nhận Biên bản xác nhận công nợ giữa nguyên đơn và bị đơn tại thời điểm ngày 31/12/2020, đồng thời cung cấp sổ chi tiết tài khoản từ ngày 01/01/2010 đến ngày 04/10/2023 chứng từ ngày 31/8/2015 số TKHT01 có ghi “Bù trừ nợ gốc vay thi công công trình Nhiệt điện Vũng Áng với tiền KLHT công trình Vũng Áng phải trả Công ty Cổ phần Xây lắp H L, số dự có là 9.207.554.079 đồng”.

[8] Theo các hợp đồng số 311209, 020711, 090711 đã ký giữa hai bên, tại Điều 10, mục 10.1.5 về Thanh toán giá trị bảo hành của Hợp đồng, hai bên thoả thuận: “Bên B sẽ được thanh toán 3% giá trị Hợp đồng còn lại khi Bên B phát hành bảo lãnh bảo hành, bảo lãnh có hiệu lực 24 tháng kể từ ngày Chủ đầu tư phát hành Chứng chỉ chấp nhận tạm thời cho Tổ máy số 2”.

[9] Tại Chứng chỉ bàn giao được cấp ngày 09 tháng 02 năm 2017 có nội dung: “Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch, thông báo rằng Tổ máy số 2 đã đạt yêu cầu để bàn giao cụ thể vào Lúc 15 giờ 00 phút ngày 12/05/2015”. Và công trình đã được cấp chứng chỉ hoàn thành vào ngày 12/10/2021, nêu rõ: “Chứng chỉ hoàn thành Tổ máy số 02 là ngày 12 tháng 05 năm 2017, thời gian bảo hành tổ máy số 02 cho nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 đã hết hạn và LILAMA đã hoàn thành xử lý tất cả các lỗi, khuyết điểm và thiếu sót, giải phóng tất cả các trách nhiệm của tổng thầu LILAMA đối với công trình bao gồm cả nghĩa vụ bảo hành công trình”. Như vậy thời gian bảo hành tương ứng 24 tháng là đến hết ngày 12/05/2017. Đồng nghĩa với việc đến ngày 12/05/2017 Công ty H L đã đủ điều kiện được thanh toán khoản tiền 3% bảo hành còn lại. Việc Tổng Công ty B Đ không thanh toán số tiền còn thiếu cho Công ty H L là vi phạm các hợp đồng đã ký giữa hai bên.

[10] Tổng Công ty B Đ căn cứ vào biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2020, trong đó có nội dung “Trong trường hợp các công trình có Quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền mà làm thay đổi giá trị được thanh toán của Công trình thì số liệu công nợ sẽ được điều chỉnh theo hồ sơ được cấp có thẩm quyền phê duyệt” nên chưa đồng ý thanh toán cho Công ty H L số tiền 9.207.554.079 đồng. Nhưng Công ty B Đ lại cho rằng đây chỉ là biên bản xác nhận giữa hai kế toán với nhau, như vậy chính Công ty B Đ đã phủ nhận lại biên bản này. Và như phân tích tại phần trên, tổng thầu Lilama đã có văn bản trả lời về hợp đồng kí giữa B Đ và H L không liên quan đến việc thanh, quyết toán giữa Lilama và B Đ. Tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn thừa nhận việc chưa quyết toán giữa Lilama và B Đ là do những chi phí phát sinh ngoài hợp đồng giữa Lilama và B Đ. Toàn bộ khối lượng công việc theo Hợp đồng được ký giữa B Đ và H L đã được H L thực hiện xong và dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 đã được vận hành từ năm 2015 và hết bảo hành vào năm 2017, trong thời gian

bảo hành, không phát sinh tranh chấp giữa các bên nên kháng cáo của Công ty B Đ về nội dung này không có căn cứ chấp nhận.

[11] Tổng Công ty B Đ cho rằng đây là hai khoản nợ khác nhau, hai bên không có văn bản nào xác nhận nghĩa vụ bù trừ nên không đồng ý trả khoản tiền còn nợ cho Công ty H L. Xét thấy, mặc dù đây là hai khoản nợ riêng biệt, bị đơn đã có nhiều lần gửi văn bản cho nguyên đơn yêu cầu bù trừ nghĩa vụ thanh toán giữa hai bên nhưng nguyên đơn không phản hồi. Theo quy định tại Điều 200 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, bị đơn có quyền có yêu cầu phản tố yêu cầu nguyên đơn phải thực hiện nghĩa vụ đối với bị đơn để bù trừ nghĩa vụ do nguyên đơn khởi kiện bị đơn về nghĩa vụ thanh toán nên cấp sơ thẩm thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn là đúng quy định của luật. Theo nội dung vụ án, Công ty H L thừa nhận còn nợ Công ty B Đ 9.000.000.000 đồng, đồng ý trả số tiền gốc 9.000.000.000 đồng và lãi là 3.987.863.014 đồng theo yêu cầu của nguyên đơn tại phiên tòa sơ thẩm. Cấp sơ thẩm quyết định Công ty H L phải trả Công ty B Đ 12.987.863.014 đồng là phù hợp sự thoả thuận của các bên. Như nhận định tại phần trên, Công ty B Đ còn nợ Công ty H L 9.207.554.079 đồng nên Công ty B Đ phải trả số tiền 9.207.554.079 đồng cho Công ty H L. Ngoài ra, Công ty H L yêu cầu Công ty B Đ trả lãi 10% từ ngày 12/5/2017 (là ngày hết thời hạn bảo hành) là có căn cứ theo quy định Điều 357 của Bộ luật Dân sự. Bản án sơ thẩm quyết định Công ty B Đ phải thanh toán cho Công ty H L 9.207.554.079 đồng và 6.500.785.442 đồng tiền lãi và đòi trừ nghĩa vụ buộc Công ty B Đ phải thanh toán cho Công ty H L 2.720.476.507 đồng là đúng quy định của luật.

[12] Về nội dung không xác định Lilama là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án: Từ những nhận định trên, xét thấy Lilama không có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến việc thanh toán số nợ 9.207.554.079 đồng giữa B Đ và H L nên cấp sơ thẩm không xác định Lilama là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án là đúng quy định tại khoản 6 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Tổng Công ty xây dựng B Đ.

[13] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do vậy bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch theo số tiền 12.987.863.014 đồng. Nguyên đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền 15.708.339.521 đồng do yêu cầu phản tố của bị đơn được chấp nhận. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm lại đòi trừ nghĩa vụ và yêu cầu nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm đối với số tiền còn lại sau khi đòi trừ là 2.720.476.507 đồng là không đúng quy định tại Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nên cần phải sửa lại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2024/KDTM-ST ngày

31/5/2024 của Toà án nhân dân quận Hồng Bàng về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

[14] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa nên Tổng Công ty xây dựng B Đ không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Trả lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho Tổng Công ty xây dựng B Đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 148, 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 117, 430, 440 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 26, Điều 27, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của Tổng Công ty xây dựng B Đ nhưng sửa bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2024/KDTM-ST ngày 31/5/2024 của Toà án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng do có sai sót về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Cụ thể:

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Tổng Công ty Xây dựng B Đ:

Công ty Cổ phần Xây lắp H L phải thanh toán cho Tổng Công ty Xây dựng B Đ 9.000.000.000 đồng và tiền lãi 3.987.863.014 đồng của Hợp đồng chuyển nhượng Dự án tòa nhà văn phòng tại số 97 B Đ, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Tổng số tiền phải thanh toán là 12.987.863.014 (*mười hai tỷ chín trăm tám mươi bảy triệu, tám trăm sáu mươi ba nghìn, không trăm mười bốn*) đồng.

1.2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn là Công ty Cổ phần Xây lắp H L:

Tổng Công ty Xây dựng B Đ có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần Xây lắp H L 3% giá trị bảo hành là 9.207.554.079 đồng và 6.500.785.442 đồng tiền lãi của ba hợp đồng đấu thầu xây dựng dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1. Tổng số tiền phải thanh toán là 15.708.339.521 (*mười lăm tỷ, bảy trăm linh tám triệu, ba trăm ba mươi chín nghìn, năm trăm hai mươi mốt*) đồng.

1.3. Chấp nhận đối trừ nghĩa vụ giữa Công ty Cổ phần Xây lắp H L và Tổng Công ty Xây dựng B Đ:

Tổng Công ty Xây dựng B Đ còn nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần Xây lắp H L 2.720.476.507 (*hai tỷ bảy trăm hai mươi triệu, bốn trăm bảy mươi sáu nghìn, năm trăm linh bảy*) đồng tiền nợ trong các Hợp đồng đấu thầu Xây dựng dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

1.4. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Tổng Công ty Xây dựng B Đ phải chịu 123.708.339 (*một trăm hai mươi ba triệu bảy trăm linh tám nghìn ba trăm ba mươi chín*) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 58.500.000 (*năm mươi tám triệu năm trăm nghìn*) đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009738 ngày 10/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Tổng Công ty Xây dựng B Đ còn phải nộp 65.208.339 (*sáu mươi lăm triệu hai trăm linh tám nghìn ba trăm ba mươi chín*) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Công ty Cổ phần Xây lắp H L phải chịu 120.987.863 (*một trăm hai mươi triệu chín trăm tám mươi bảy nghìn tám trăm sáu mươi ba*) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 62.527.162 (*sáu mươi hai triệu năm trăm hai mươi bảy nghìn, một trăm sáu mươi hai*) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng số 0006070 ngày 28/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Công ty Cổ phần Xây lắp H L còn phải nộp 58.460.701 (*năm mươi tám triệu bốn trăm sáu mươi nghìn bảy trăm linh một*) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

1.5. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Trả lại Tổng Công ty Xây dựng B Đ 2.000.000 (*hai triệu*) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0002577 ngày 19 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Trong trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSNDTP Hải Phòng;
- TAND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Hồ Điệp